

Số: 63/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 25 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: SN 015, tổ 8, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: SN 25, phố Đặng D, tổ 26, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L

- Anh Vương Đức Q, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: SN 015, tổ 8, phường Tân P, thành phố L, tỉnh L.

Chỗ ở hiện nay: SN 25, phố Đặng D, tổ 26, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2010, quyển số 01, ngày 16/12/2010 của UBND xã Đ, huyện Đông H1, tỉnh T. Đến nay chị H và anh Q đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q.

- Về việc nuôi con: chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q có 02 con chung là cháu Vương Đức H2, sinh ngày 18/11/2011 và cháu Vương Đức B, sinh ngày 01/10/2018. Chị H và anh Q thỏa thuận như sau:

Chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Vương Đức H2 và cháu Vương Đức B cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q thỏa thuận anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/02 con chung/01 tháng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh Q chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Vương Đức Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Bùi Thị H và anh Vương Đức Q thỏa thuận chị H là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Bùi Thị H đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000222 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã Đ,  
huyện Đông H1, tỉnh T;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Tòng Thị Tuyết**